

<p>HD 2: Tìm hiểu đặc điểm và cách sử dụng kéo, kim.</p>	<p>HD đọc nội dung b. - Em biết loại chỉ nào, màu sắc ra sao? -Chỉ khâu thường được quấn như thế nào? -Giới thiệu thêm. -yêu cầu – hãy nêu tên loại chỉ trong hình 1a, b -Theo em về nút chỉ có tác dụng gì? HD tìm hiểu đặc điểm và cách sử dụng kéo. -yêu cầu. -Em biết những loại kéo nào? Chúng có đặc điểm như thế nào? -nêu tác dụng của kéo ? -So sánh kéo cắt vải và kéo cắt chỉ? -Nêu cách cầm kéo khi cắt vải? -HD quan sát nhận xét về chiếc kim khâu. -Em hãy mô tả lại chiếc kim khâu? -Để bảo quản chiếc kim khâu em cần làm gì? -Khi sử dụng kim, kéo cần lưu ý gì? -Yêu cầu mở SGK. -Nêu đặc điểm của kim khâu? -Nêu cách sử dụng kim?</p>	<p>-Khâu, thêu..... -Chỉ khâu thường quấn thành cuộn quan lõi tròn bằng gỗ, -Quan sát và nêu tên loại chỉ trong hình 1a, b. -Nêu: -Quan sát hình 2 SGK. -Nêu: -Nêu: - Đọc sánh GK và trả lời. -Quan sát hình 3 SGK. -Khi cắt vải tay phải cầm kéo... -1-2HS thực hiện thao tác. -2HS nêu. -HS nêu -Kim khâu dùng song phải để vào lọ có nắp,.... -Cẩn thận, ... -Quan sát hình 4 và quan sát mẫu kim khâu trả lời câu hỏi SGK. -Kim khâu nhỏ và nhọn dần về phía mũi. Đuôi kim khâu hơi dẹt, có lỗ để khâu kim. -Quan sát hình 5a,b,c và nêu.</p>
--	--	---

<p>HD 3:Thực hành khâu chỉ vào kim và vê nút chỉ.</p> <p>3.Củng cố dặn dò: (')</p>	<p>-Nhận xét bổ xung và thực hiện thao tác minh hoạ. -Nêu yêu cầu thực hành. -Quan sát chỉ dẫn và giúp đỡ.</p> <p>-Khi dùng kim cần lưu ý điều gì?</p> <p>-Chốt ý chính của bài.</p> <p>-Nhận xét tiết học. -Nhắc HS chuẩn bị đồ dùng tiết sau</p>	<p>-2HS lên thực hiện khâu kim và vê nút chỉ.</p> <p>-Thực hành theo nhóm 4HS, trao đổi giúp đỡ lẫn nhau. -Một số HS thực thiện lại các thao tác.</p> <p>- -Nghe.</p>
---	--	---

Tiết 1

Môn: Toán

Bài : Biểu thức có chứa một chữ

I. Mục tiêu:

- Bước đầu nhận thức được biểu thức có chứa 1 chữ.
- Biết tính giá trị của biểu thức chứa 1 chữ khi thay chữ bằng số.
- HS yêu thích môn học này hơn.

II Chuẩn bị :

Bảng phụ bài tập 2 (phần b)

III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu.

ND – TL	Giáo viên	Học sinh
<p>1.Kiểm tra. (5 ')</p>	<p>Gọi HS lên bảng làm bài tập ở nhà.Và chấm một số vở của HS. -Nhận xét, đánh giá.</p>	<p>-2 HS lên bảng làm. -Nhận xét bài.</p>
<p>2.Bài mới. GTB: (2') Hđ1:Giới</p>	<p>-Dẫn dắt ghi tên bài. Yêu cầu: -Muốn biết bạn Lan có tất cả</p>	<p>-Nhắc lại tên bài học -1 HS đọc bài toán. -Ta thực hiện phép tính cộng</p>

<p>thiệu biểu thức có chứa một chữ. a. Biểu thức có chứa một chữ (10')</p>	<p>baonhiều quyển vở ta làm như thế nào? -Treo bảng phần bài học. -Nếu mẹ cho bạn Lan thêm một quyển vở thì bạn Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở? -Nghe và viết 1 vào cột thêm, viết $3+1$ vào cột có tất cả. -Thêm 2,3,4 làm tương tự +Nêu:Lan có 3 quyển vở, nếu mẹ cho Lan thêm a quyển vở thì Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở? *Giới thiệu:$3+a$ là biểu thức có chứa một chữ. -Hỏi và viết lên bảng:Nếu $a = 1$ thì $3+a$ bằng bao nhiêu? *Khi đó ta nói 4 là một giá trị của biểu thức. $a=2,3,4$tương tự</p>	<p>số vở Lan đã có ban đầu với số vở mẹ cho thêm. -Nếu mẹ cho Lan thêm một quyển vở thì bạn Lan có tất cả $3+1$ quyển vở. -Nêu số vở có tất cả trong từng trường hợp -Lan có tất cả $3+a$ quyển vở. -Nếu $a=1$ thì $3+a=3+1=4$</p>
<p>b. Giá trị của biểu thức chứa một chữ. (5')</p>	<p>-Khi biết một giá trị cụ thể của a, muốn tính giá trị của biểu thức $3+a$ ta làm như thế nào?</p>	<p>-Tìm giá trị của biểu thức $3+a$ trong từng trường hợp. -Ta thay giá trị của a vào biểu thức rồi thực hiện.</p>
<p>Hđ2:Luyện tập.(20')</p>	<p><u>Bài 1:</u> Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? -Chúng ta phải tính giá trị của biểu thức $6+b$ với b bằng mấy? -Nếu $b =4$ thì $6 + b$ bằng bao nhiêu? -Vậy giá trị của biểu thức $6+b$ với $b =4$ là bao nhiêu? -Các phần còn lại HS tự làm</p>	<p>-Tính giá trị của biểu thức. -Tính giá trị của biểu thức $6+b$ với $b=4$ -Nếu $b=4$ thì $6+b=6+4=10$ -Vậy giá trị của biểu thức $6+b$ với $b =4$ là $6+4=10$ -2 HS lên bảng làm bài cả lớp</p>

3. Củng cố, dặn do (2')	<p><u>Bài 2:</u> Vẽ lên bảng các bảng số như bài tập 2 SGK, sau đó hỏi các giá trị trong bảng. (phần b)</p> <p><u>Bài 3:</u> (phần a, b)</p> <p>- Nêu biểu thức trong phần a.</p> <p>- Chúng ta phải tính giá trị của biểu thức $250+10$ với những giá trị nào của m?</p> <p>- Muốn tính giá trị biểu thức $250+10$ với $m=10$ em làm như thế nào?</p> <p>- Thu một số vở chấm, nhận xét.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn HS.</p>	làm vào bảng con. - HS đọc - HS làm bài vào vở. 2 HS lên bảng làm bài. - Nhận xét bài làm của bạn. - 1 HS đọc đề bài - Biểu thức $250+m$ - Tính giá trị biểu thức $250+m$ với $m=10, m=0, m=80, m=30$ - Với $m=10$ thì biểu thức $250+m=250+10=260$. - Tự làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra lẫn nhau.
-------------------------	--	--

Tiết 2

Môn: Luyện từ và câu.

Bài: Luyện tập về cấu tạo của tiếng.

I. Mục đích, yêu cầu:

- Điền được cấu tạo của tiếng theo 3 phần đã học (âm đầu, vần, thanh) theo bảng mẫu ở BT1.
- Nhận biết được các tiếng có vần giống nhau ở BT2, BT3.

II. Đồ dùng dạy- học.

- Bảng phụ vẽ sẵn sơ đồ cấu tạo giữa tiếng và vần.

III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu:

ND – TL	Giáo viên	Học sinh
1. Kiểm tra. (5')	-Yêu cầu:	-2HS lên phân tích 3 bộ phận của các tiếng trong câu “lá lành đùm lá rách” và ghi vào sơ đồ trên bảng. -HS còn lại làm vào vở nháp.
2. Bài mới. Bài 1: (6')	-Nhận xét cho điểm -Giới thiệu bài. -Giao việc. -	-Nhắc lại tên bài học. -2HS đọc đề bài. -Làm việc theo nhóm. -Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả. -Các nhóm khác, nhận xét bổ sung.
Bài 2: (6')	-Nhận xét bài làm của HS.	-
Bài 3: (6')	-Câu tục ngữ được viết theo thể thơ nào? -Trong câu tục ngữ 2 tiếng nào bắt vần với nhau? -Yêu cầu:	-Câu tục ngữ được viết theo thể thơ lục bát. -2tiếng ngoài – hoài bắt vần với nhau, giống nhau cùng có vần oai. -2HS đọc to trước lớp. -Tự làm bài vào vở. -2HS lên bảng làm. -Nhận xét +Các cặp tiếng bắt đầu vần với

<p>Bài 4: (6’) (Giành cho HS khá giỏi)</p>	<p>-Nhận xét và chối lại lời giải đúng. -Qua 2 bài tập trên, em hiểu thế nào là 2 tiếng bắt vần với nhau?</p> <p>Nhận xét - KL: - yêu cầu. -Theo dõi giúp đỡ.</p>	<p>nhau: loắt choắt, thoan thoát, xinh xinh, nghênh nghênh +Các cặp có vần giống nhau hoàn toàn: choắt – thoát. +Các cặp có vần giống nhau không hoàn toàn: xinh xinh, nghênh, nghênh. -Nối tiếp nhau trả lời đến khi có lời giải đúng. 2 tiếng bắt vần với nhau là 2 tiếng có phần vần giống nhau hoàn toàn và không hoàn toàn. HS làm các câu tục ngữ cao dao, thơ đã học có các tiếng bắt vần với nhau.</p> <p>-Tự làm bài. -Dòng 1: Chữ <i>bút</i> bớt đầu thành <i>út</i>.</p>
<p>Bài 5: (6’) (Giành cho HS khá giỏi)</p>		<p>Dòng 2: Đầu đuôi bỏ hết thì <i>bút</i> thành <i>í</i>. Dòng 3, 4, để nguyên thì đó là chữ <i>bút</i>.</p>
<p>3.Củng cố dặn dò</p>	<p>-Nhận xét tiết học. -Nhắc HS.</p>	<p>-Về nhà làm bài tập.</p>

Tiết 3

Môn: Khoa học

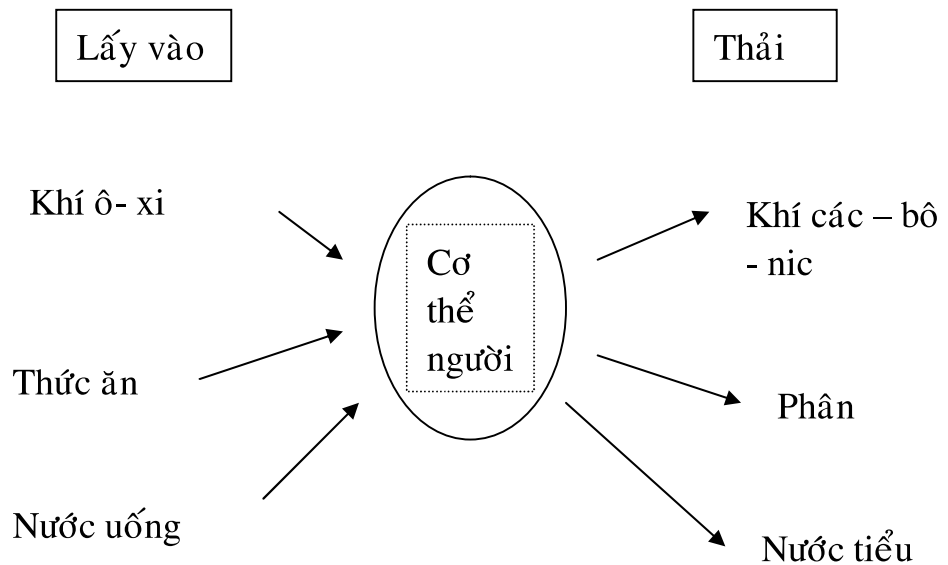
Bài2: Sự trao đổi chất ở người.

I.Mục tiêu:

- Nêu được một số biểu hiện về sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường như : lấy vào khí ô-xi , thức ăn ,nước uống ; thải ra khí các- bô – nic, phân và nước tiểu.

- Hoàn thành sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường .

Ví dụ :



II.Đồ dùng dạy – học.

-Các hình SGK.

-Phiếu học nhóm.

III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu.

ND – TL	Giáo viên	Học sinh
1.Kiểm tra. (')	-yêu cầu.	-3HS lên bảng trả lời câu hỏi. -Người cần gì để duy trì sự sống? -Để có những điều kiện cần cho sự sống phải làm gì?

<p>2. Bài mới. ()</p> <p>HD 1: Tìm hiểu về sự trao đổi chất ở người.</p> <p>MT: Kể ra những gì hàng ngày cơ thể người lấy vào và thải ra trong quá trình sống.</p> <p>-Nêu được thế nào là quá trình trao đổi chất.</p> <p>HD 2: Thực hành vẽ sơ đồ quá trình trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.</p> <p>MT: HS trình bày một cách có sáng tạo về những kiến thức đã học quá trình trao đổi chất giữa cơ thể và môi trường.</p> <p>3. Củng cố dặn dò ()</p>	<p>-Nhận xét ghi điểm</p> <p>-Giới thiệu bài.</p> <p>-Giao nhiệm vụ thảo luận.</p> <p>-kể tên những gì được vẽ trong hình gì?</p> <p>-Thứ nào quan trọng trong sự sống?</p> <p>KL: Hàng ngày cơ thể lấy từ môi trường</p> <p>-Nêu yêu cầu:</p> <p>-Giới thiệu về sơ đồ của quá trình trao đổi chất ở hình 2 trang 7 SGK.</p> <p>-Chốt lại ý chính.</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p> <p>-Nhắc HS chuẩn bị</p>	<p>-Thảo luận cặp đôi rút ra câu trả lời đúng.</p> <p>+Con người cần lấy thức ăn, nước uống từ môi trường.</p> <p>+Con người cần ánh sáng mặt trời.</p> <p>+Con người thải ra ngoài như phân, nước tiểu, khí các bô níc.</p> <p>-Không khí.</p> <p>-2HS nhắc lại kết luận.</p> <p>-Nhận xét bổ xung.</p> <p>-Thực hành vẽ sơ đồ trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường theo trí tưởng tượng.</p> <p>-Giới thiệu về bài vẽ củamình.</p> <p>-Quan sát và nhận xét.</p> <p>-2HS đọc ghi nhớ.</p>
---	---	---